

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 14/5/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Đỗ Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2023/TLST-DS ngày 08/12/2023 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị M; Sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 23/4 ÂB, Khu phố N, Phường M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1955 (vắng)

Địa chỉ: 24/2 ÂB, Khu phố H, Phường K, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Chí H; Sinh năm 1967;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị M; Sinh năm: 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 23/4 ÂB, Khu phố N, Phường M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Bùi Thị M trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà M có cho bà H vay số tiền:

Ngày 20/01/2022, vay 60.000.000 đồng;

Ngày 12/4/2022, vay 310.000.000 đồng;

Ngày 30/3/2023, vay 70.000.000 đồng.

Tổng là 440.000.000 đồng.

Trong tất cả những lần vay có làm biên nhận.

Nay bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà M số tiền 440.000.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà M số tiền 440.000.000 đồng, có làm biên nhận và ký tên. Trong quá trình vay bà có trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. Nay bà đồng ý trả 340.000.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí H là bà Bùi Thị M trình bày:

Số tiền 60.000.000 đồng ông H cho bà H vay là tiền của bà M. Việc tranh chấp trên không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến gì. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H trả số tiền 440.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và tính lãi theo quy định từ ngày 30/3/2023 đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà M yêu cầu bà H trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại 24/2 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà M bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ vay là 440.000.000 đồng và trả lãi tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày xét xử. Chúng tôi chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà M là các “*Biên nhận tiền*” do bà M cung cấp có chữ ký và chữ viết của bà H. Việc vay tiền trên cũng được bà H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của bà M đòi bà H trả số tiền 440.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bà H có vay

tiền và còn nợ bà M số tiền 440.000.000 đồng là có thật. Tại phiên tòa, bà H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận bà có vay số tiền 440.000.000 đồng của bà M và đã trả được 100.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phía bà M không thừa nhận bà H đã trả được 100.000.000 đồng cho bà M nên không có cơ sở cho hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về thời hạn vay tiền: Theo các “*biên nhận mượn tiền*” thời hạn vay là một năm kể từ ngày vay, nhưng khi đến hạn trả nợ bà M đã nhiều lần đến gặp bà H để yêu cầu trả tiền nhưng bà H không thực hiện. Do đó, có cơ sở để xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà M và bà Hiền là hợp đồng vay có kỳ hạn khi đến hạn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả tiền: Tại phiên tòa, bà Hiền vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng phía bà M không đồng ý. Xét thấy, việc bà H yêu cầu được trả dần số tiền trên sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, đồng thời tại phiên tòa bà M cũng không đồng ý mà yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 464 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc bà H trả cho bà M số tiền nợ gốc là 440.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà M bổ sung, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/3/2023 đến ngày xét xử. Xét thấy, tại các biên nhận mượn tiền các bên có yêu cầu tính lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của bà M là có căn cứ và việc bổ sung yêu cầu này và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự và điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 1/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Mỹ. Cụ thể số tiền lãi là: $440.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 49.180.000 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có làm đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên không phải đóng tiền án phí sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà M số tiền: 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 49.180.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 489.180.000 (bốn trăm tám mươi chín triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005460 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Liên

Luật Thi hành án dân sự.

